

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:04/2019/HNGĐ- ST
Ngày 18-3-2019
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hồng.
2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2019, tại Phòng xử án, Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11-02-2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1986, có mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Hồ Nhật A, sinh năm 1986, vắng mặt.

Địa chỉ: Đường K, tổ dân phố T, phường Th, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24-10-2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D trình bày có nội dung: Chị và anh Hồ Nhật A kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 16-9-2015 tại Ủy ban nhân dân phường Th, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, trên thực tế kể từ khi kết hôn cho đến hiện tại, chị và anh Hồ Nhật A không có chung sống với nhau mà mỗi người ở một nơi. Giữa chị và anh Hồ Nhật A không có phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng với nhau. Đến thời điểm hiện tại, chị thấy không thể duy trì mối quan hệ vợ chồng trên danh nghĩa với anh Hồ Nhật A nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hồ Nhật A.

Về con chung và tài sản: Chị và anh A không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hồ Nhật A: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh A đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Mỹ D ly hôn với anh Hồ Nhật A.

Về con chung và tài sản: Chị Nguyễn Thị Mỹ D xác định chưa có con chung, tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 28-11-2018 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, ngày 04-12-2018 Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, ngày 04-12-2018 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý vụ án ngày 05-12-2018 là đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Hồ Nhật A đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về yêu cầu của đương sự:*

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Hồ Nhật A là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị D và anh Hồ Nhật A đăng ký kết hôn ngày 16-9-2015 tại Ủy ban nhân dân phường Th, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Chị D cho rằng sau khi đăng ký kết hôn về mặt pháp luật nhưng trên thực tế hai người không chung sống với nhau một ngày nào, mỗi người sống một nơi. Kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị D, anh A thì sau khi kết hôn, hai người không chung sống với nhau, anh Hồ Nhật A sống chung với bố mẹ tại đường K, tổ dân phố T, phường Th, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, giữa chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Hồ Nhật A sau khi đăng ký kết hôn không chung sống với nhau, không quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau như vậy, chị D

và anh A vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho chị Nguyễn Thị Mỹ D ly hôn anh Hồ Nhật A là phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Giữa chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Hồ Nhật A không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4.3] Về tài sản: Chị Nguyễn Thị Mỹ D xác định chưa có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về ý kiến giải quyết vụ án của Viện kiểm sát:* Xét quan điểm của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Mỹ D ly hôn với anh Hồ Nhật A. Về con chung và tài sản: Chị Nguyễn Thị Mỹ D xác định chưa có con chung, tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] *Về án phí:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011264 ngày 04-12-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào: Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

-Căn cứ vào: Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào: điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn với anh Hồ Nhật A.

2. Về con chung: Giữa chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Hồ Nhật A không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản: Chị Nguyễn Thị Mỹ D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo

biên lai số 0011264 ngày 04-12-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Chi D đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA dân sự thị xã B;
- UBND phường Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Anh